

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: **66/2021/HS-ST**

Ngày: **03/12/2021**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Phương – Hiệu phó Trường THPT Tứ Kiệt

Bà Nguyễn Thị Xuân Mai – UVTV Thị Đoàn thị xã Cai Lậy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày **03** tháng **12** năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2021/TLST- HS ngày 22 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

1/ A, sinh ngày 20/9/2003 tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: ấp A1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông B, sinh năm 1981 và bà B1, sinh năm 1985; anh chị em ruột có 02 người, bị can là con thứ 01 trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không, tiền sự: Ngày 24/7/2020 bị Công an xã A2 xử phạt 750.000 đồng về hành vi trộm cắp tái sản. Đã chấp hành xong ngày 17/8/2020; bị bắt tạm giam ngày 10/8/2021 (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo A: Bà B1, sinh năm 1985 là mẹ ruột của bị cáo A (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp A1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang

Người bào chữa cho bị cáo A: ông B2 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tiền Giang (có mặt);

Địa chỉ: Số 17, đường Hùng Vương, phường A4, thành phố A5, tỉnh Tiền Giang.

2/ C, sinh ngày 24/02/1999 tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: ấp C1, xã C2, huyện C3, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D, sinh năm 1978 và bà D1, sinh năm 1979; anh chị em ruột có 03 người, bị can là con thứ 03 trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 30/9/2021 (có mặt).

Bị hại: E, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng);

Địa chỉ: ấp A1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

G, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: ấp G1, xã G2, huyện G3, tỉnh Tiền Giang.

H, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H1, xã H2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 18/5/2021, A, sinh ngày 20/9/2003, thường trú ấp A1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang điện thoại cho C, sinh năm 1999, thường trú ấp C1, xã C2, huyện C3, tỉnh Tiền Giang rủ C đi bắt trộm chim cu, C đồng ý và điều khiển xe gắn máy biển số 63FS – 0034 đến nhà chờ A. Khoảng 16 giờ cùng ngày, khi đi ngang nhà của anh E, sinh năm 1986, thường trú ấp A1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang, A nghe có tiếng cu gáy nên kêu C ở bên ngoài cảnh giới. Do tường nhà anh E cao nên A trèo vào nhà anh S, sinh năm 1965, thường trú ấp A1, xã A2, thị xã A3 (cặp nhà anh E), A lấy 01 cây thang kim loại và trèo vào nhà anh E. A lấy cắp 02 cái lồng chim, mỗi lồng chứa 01 con chim cu và trèo lại vườn anh S. A bắt 02 con chim cu để vào 01 lồng chim, ném bỏ 01 cái lồng chim rồi cầm cái lồng có 02 con chim Cu trèo ra chỗ C đang đợi. C điện thoại cho anh H, sinh năm 1981, thường trú ấp H1, xã H2, thị xã A3 để nhờ tìm người bán 02 con chim cu thì H đồng ý. Trên đường C chở A đi đến nhà H thì bị Công an xã I, huyện I1, tỉnh Tiền Giang phát hiện, thu giữ tang vật. Trong quá trình xác minh giải quyết tin báo C bỏ địa phương đi không rõ lý do, đến ngày 30/9/2021 C bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy bắt tạm giam.

Bản kết luận định giá tài sản số 74 ngày 09/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Cai Lậy kết luận: 02 lồng chim và 02 con chim cu trị giá 3.900.000 đồng.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy, A và C đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp trên của mình.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã tạm giữ:

- 01 (một) xe mô tô biển số 63FS – 0034;
- 02 (hai) con chim cu đất, loại chim nuôi cảnh;
- 02 (hai) cái lồng chim bằng kim loại nhôm + gỗ, đường kính đáy 30cm, cao 25cm;
- 01 (một) cây thang bằng kim loại dài 5,4 mét;
- 01 (một) điện thoại Samsung J10.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã trao trả 02 con chim cu đất và 02 lồng chim bằng kim loại nhôm + gỗ cho anh E; trả lại 01 cây thang bằng kim loại dài 5,4 mét cho anh S; trả lại 01 xe mô tô biển số 63FS – 0034 cho chị G. Đối với điện thoại Samsung J10 bị cáo C sử dụng điện thoại cho anh H, C đã bỏ mất nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh E đã nhận lại tài sản nên và không yêu cầu bị cáo A và C bồi thường.

Tại phiên tòa, phía người đại diện hợp pháp cho bị cáo A là bà B1 có ý kiến trình bày: Việc bị cáo A đi trộm cắp như thế nào thì bà B1 không biết, đến khi Công an đến báo thì bà mới biết và bà cũng có khuyên dạy con nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn phải đi làm để kiếm sống nên khi đi làm thì ở nhà A đi chơi và trộm cắp tài sản của người khác. Bà B1 xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A.

Tại bản cáo trạng số 77/CT-VKSTXCL ngày 21/10/2021 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang truy tố A và C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo A và C khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các quyết định cũng như hành vi của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thị xã Cai Lậy, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo A và C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Bị cáo A và C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, bị cáo A lúc phạm tội là người dưới 18 tuổi. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58, Điều 91 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Quốc Minh từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh E đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã trao trả 02 con chim cu đất và 02 lồng chim bằng nhôm cho anh E; trả lại 01 cây thang bằng kim loại dài 5,4 mét cho anh S; trả lại 01 xe mô tô biển số 63FS – 0034 cho chị G, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Đối với điện thoại Samsung J10 bị cáo C sử dụng điện thoại cho anh H, C đã bỏ mất nên không thu hồi được.

Người bào chữa cho bị cáo B2 có ý kiến cho rằng: Thống nhất về tội danh cũng như các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt cho bị cáo mà phía đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Phía người bào chữa cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo A và xử bị cáo với mức án thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo sẽ sửa sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về việc vắng mặt bị hại anh E; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H. Xét thấy, trong hồ sơ đã có lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và việc vắng mặt của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo A, bị cáo C. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt phía bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo A và bị cáo C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là: vào ngày 18/5/2021 tại ấp A1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang, bị cáo A, C đã có hành vi lén lút lấy trộm của anh E 02 con chim cu đất và 02 cái lồng chim bằng kim loại nhôm + gỗ, đường kính đáy 30cm, cao 25cm trị giá là 3.900.000 đồng. Bị cáo A đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong. Lời trình bày của bị cáo A và bị cáo C phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cho nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo A và C phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1

Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đúng với kết luận luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy giữ quyền công tố tại phiên tòa hôm nay.

[4] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo A, C vô cùng táo bạo và liều lĩnh, ngang nhiên giữa ban ngày, không người để ý và lợi dụng sự mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để trộm cắp tài sản. Hành vi do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương nơi xảy ra tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo A, C thể hiện sự xem thường pháp luật, nên cần xử phạt bị cáo A, C với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Bị cáo A và C khi thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nhưng khi thực hiện tội phạm không có sự bàn bạc, phân công trước, không có sự cầu kết chắc chắn nên thuộc trường hợp phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Cụ thể, vai trò của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo A là người rủ rê trong việc thực hiện tội phạm và là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Cho nên, cần xử phạt bị cáo A với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Đối với bị cáo C là người giúp sức cho việc thực hiện tội phạm. Cho nên, cần xử phạt bị cáo C với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo A và C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo A và C khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây thiệt hại, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo A và bị cáo C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo A có nhân thân xấu, trình độ học vấn là 9/12, lúc phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế. Bị cáo C có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Do vậy, cần xem xét chiếu cố phần nào mức hình phạt đối với các bị cáo nhưng cũng phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt giúp ích cho xã hội sau này.

[9] Đối với ông H khi bị cáo C điện thoại nhờ bán giúp chim cu thì ông Ngoan không biết hai con chim cu trên do bị cáo C và A trộm cắp của người khác nên không phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh E đã nhận lại tài sản và tại phiên tòa bị hại anh E vắng mặt, nhưng có lời khai thể hiện trong hồ sơ không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[11] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã trao trả 02 con chim cu đất và 02 lồng chim bằng nhôm cho anh A; trả lại 01 cây thang bằng kim loại dài 5,4 mét cho anh S; trả lại 01 xe mô tô biển số 63FS – 0034 cho chị G, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo A và bị cáo C bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nên theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

[14] Xét ý kiến và đề nghị của phía người bào chữa cho bị cáo A là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận lời đề nghị của phía người bào chữa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo A, C phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 91 của Bộ luật Hình sự; Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo A 07 (bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2021.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo C 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/9/2021.

2. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo A và C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo A và C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị G được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh E; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Cơ quan điều tra CA thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Thoa

